

Tiết 25 Đọc văn - Truyện cười

TAM ĐẠI CON GÀ NHƯNG NÓ PHẢI BẰNG HAI MÀY

A MỤC TIÊU CẦN ĐẠT: Giúp HS

- ✓ Hiểu được mâu thuẫn ngang trái tự nhiên trong cách ứng phó của nhân vật trong truyện
- ✓ Nắm và thấy được cái hay của nghệ thuật “ Tự bộc lộ”

B TIẾN TRÌNH LÊN LỚP:

- 1 Ôn định, kiểm tra.
- 2 Bài mới.

<p>I GIỚI THIỆU CHUNG: Yêu cầu HS đọc tiểu dẫn SGK và trình bày khái quát đôi nét về thể loại TC</p> <p>I</p> <table border="1" style="margin-left: auto; margin-right: auto;"> <tr> <td>Tình huống nhằm lẫn</td> <td>Ông bố chỉ ra chỗ sai của thầy</td> </tr> </table> <p>I ĐỌC HIỂU VĂN BẢN: 1 “Tam đại con gà” Yêu cầu HS phân vai Treo bảng phụ chia nhóm thảo luận trình bày.</p> <p style="text-align: center;">BẢNG PHỤ</p>	Tình huống nhằm lẫn	Ông bố chỉ ra chỗ sai của thầy	<p>I GIỚI THIỆU CHUNG: SGK</p> <p>Truyện cười có 2 loại:</p> <p>Khôi hài: Giáo dục và giải trí</p> <p>Trào phúng: Phê phán thói hư tật xấu của con người thuộc tầng lớp trên của XH nông thôn xưa.</p> <p>II ĐỌC HIỂU VĂN BẢN: 1 “ Tam đại con gà” Tình huống nhằm lẫn: Ông bố nhằm anh học trò dốt là thầy đồ → Bời anh khoác lác.</p> <p>Tình huống dốt nát: Không đọc được 1 chữ “kê”</p> <p>↙ Dốt về kiến thức sách vở ↘ Dốt về kiến thức thực tế</p> <p>Trường hợp mê tín: Khấn thổ công, bói quẻ → để xác định kiến thức chuẩn → dốt nát, mê tín.</p> <p>Trường hợp bóc mẽ: Ông bố chỉ ra chỗ sai của thầy → Cái dốt bị vạch trần.</p>
Tình huống nhằm lẫn	Ông bố chỉ ra chỗ sai của thầy		

Tình huống dốt nát	Khẩn thô công, bói quẻ	<p>Trường hợp nguy hiểm: Thầy giảng giải đến “TĐCG” → bịa → Cách nói vòng vo để che đậy cái dốt → Cái dốt tự phơi bày.</p> <p>✚ Nhận xét: Tình huống truyện được sắp xếp theo trình tự tăng tiến, mâu thuẫn được giải quyết mau chóng, nhân vật tự bộc lộ cái dốt.</p> <p>b Ý nghĩa truyện từ các mâu thuẫn trái tự nhiên:</p> <ul style="list-style-type: none"> ✓ Truyện phê phán thói dẫu dốt. ✓ Truyện phê phán thói sĩ diện hão.
Tình huống mê tín	Ông bố nhằm anh học trò dốt là thầy đồ	
Tình huống bóc mẽ	Thầy giảng giải đến “TĐCG”	
Tình huống nguy hiểm	Thầy đồ không đọc được 1 chữ đơn giản “kê”	

Trường hợp, mâu thuẫn trong truyện “TĐCG” được sắp xếp như thế nào? Nhằm mục đích gì?

Theo em, truyện phê phán cái dốt hay thái độ giấu dốt. Bản thân cái dốt đáng phê phán không? Truyện còn có ý nghĩa gì?

2 “ Nhưng nó phải bằng

<p>hai mày” Yêu cầu HS đọc phân vai. Những nhân vật, sự việc được giới thiệu trong truyện.? Thầy Lý đã xử kiện như thế nào? Lời kết án gây phản ứng gì? Từ đó làm nảy sinh mâu thuẫn gì? Theo em, “lẽ phải” ở đây là gì? Cuối cùng trình trạng của cải ra sao? Tình huống Ngô và Cải lót tiền cho thầy Lý trước khi đi kiện thể hiện dụng ý gì của tác giả dân gian?</p>	<p>2 “ Nhưng nó phải bằng hai mày”</p> <p>a Giới thiệu nhân vật, sự việc:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Lý trưởng nổi tiếng xử kiện giỏi • Cải và Ngô đánh nhau → đều dút lót → kiện. <p>b Diễn biến quá trình xử kiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> ❖ Lý trưởng tuyên bố Cải 10 roi → Nảy sinh mâu thuẫn, xung đột. ❖ Cải bị động >< Lý trưởng chủ động <p>→ 2 thứ ngôn ngữ.</p> <p>→ Ngâm : lẽ phải (5 ngón tay)</p> <p>→ Công khai : lẽ phải nhân đôi (10 ngón tay)</p> <p>→ Người trong cuộc mới hiểu</p> <p>⇒ Lẽ phải ở đây là tiền. Nhân vật Cải rơi vào tình huống bi hài (Vừa mất tiền, vừa bị đánh)</p> <p>c Ý nghĩa:</p> <ul style="list-style-type: none"> ➤ Truyện mang giá trị tố cáo sâu sắc thế lực đồng tiền. Đồng tiền quyết định lẽ phải. Tiền nhiều lẽ phải nhiều, tiền ít lẽ phải ít. ➤ Nhân vật Cải vừa là nạn nhân, vừa là thủ phạm. Chính hơi tiêu cực của anh ta làm anh ta trở nên hạn hoan (Vừa đáng thương, vừa đáng trách) <p>III KẾT LUẬN:</p> <p style="text-align: center;">Ghi nhớ SGK/80</p>
--	---

4 Củng cố:

- ✓ Yêu cầu HS đọc phần ghi nhớ SGK
- ✓ Yêu cầu HS so sánh tiếng cười ở 2 truyện:

Tiếng cười trong nhân dân

Tiếng cười đối với quan lại phong kiến

- ✓ Hỏi: Tiếng cười nào gay gắt hơn.

5 Dẫn dò:

- ✓ Suu tầm 1 truyện cười và cho biết ý nghĩa
- ✓ Soạn 6 bài ca dao

Tiết 26 + 27 Đọc văn

CA DAO THAN THÂN, YÊU THƯƠNG, TÌNH NGHĨA

A MỤC TIÊU CẦN ĐẠT: Giúp HS

- ✓ Cảm nhận được tiếng hát than thân và lời ca yêu thương tình nghĩa của người dân trong XHPK qua nghệ thuật đậm đà màu sắc dân gian của ca dao.
- ✓ Trân trọng vẻ đẹp tâm hồn người lao động và yêu quý những sáng tác của họ
- ✓ Biết cách tiếp cận và phân tích ca dao qua đặc trưng thể loại.

B TIỀN TRÌNH LÊN LỚP:

1 Ôn định, kiểm tra.

2 Bài mới

<p>I GIỚI THIỆU CHUNG: Yêu cầu HS đọc tiểu dẫn, giới thiệu khái quát về bộ phận ca dao.</p> <p>II ĐỌC HIỂU VĂN BẢN: Gọi 1 HS đọc diễn cảm Có thể chia chủ đề 6 bài ca dao trên</p>	<p>I GIỚI THIỆU CHUNG: Tiểu dẫn SGK/82</p> <p>II ĐỌC HIỂU VĂN BẢN:</p>
--	--

<p>2 Ca dao yêu thương, tình nghĩa.</p> <p>Bài 3 Trả lời câu hỏi 2 SGK/84</p> <p>Về kết cấu, cách diễn đạt bài ca dao này có gì khác lạ so với 2 bài ca dao trên?</p> <p>Từ “ai” trong bài ca dao này có gì lạ so với hai bài trên</p> <p>Câu b,c ((2) SGK/84)</p> <p>Bài 4: Đọc và nêu câu hỏi 3 SGK</p>	<p>Thân phận phụ thuộc của người phụ nữ trong XHPK.</p> <p>Sự khẳng định, sự ý thức về giá trị, phẩm chất.</p> <p>2 Ca dao yêu thương tình nghĩa:</p> <p>Bài 3: Chủ đề lỡ duyên - Mối tình lỡ làng duyên kiếp của chàng trai</p> <p>Mở đầu: Lối nói đưa đẩy → Gợi cảm hứng → dẫn dắt tâm trạng.</p> <p>“ai ” đại từ phiếm chỉ, nghĩa xác định</p> <p>↳ Lễ giáo PK (Cha, mẹ)</p> <p>↳ XHPK bất công, bất bình đẳng</p> <p>⇒ Nguyên nhân chia rẽ tình duyên.</p> <p>“ khế chua” : Chơi chữ → Lòng người chua xót vì lỡ duyên.</p> <p>Hình ảnh so sánh ẩn dụ: Trời – trăng – sao.</p> <p>Phép lặp “so sánh với”, từ láy “chàng chàng”</p> <p>→ Khẳng định tình nghĩa con người như thiên nhiên, vũ trụ, vĩnh hằng.</p> <p>“ Mình ơi!...” hỏi (cô gái) nhưng để bộc lộ nỗi lòng</p> <p>Sự chờ đợi mỏi mòn, cô đơn, vô vọng.</p> <p>Tình nghĩa con người trước sau sáng mãi “ sao vượt”</p> <p>→ Duyên kiếp dù dở dang không thành nhưng tình nghĩa con người thì trường tồn mãi mãi.</p> <p>Bài 4: Nỗi niềm thương nhớ cô gái</p>
---	--

<p>Hình ảnh chiếc khăn được hỏi đầu tiên và hỏi nhiều nhất? Vì sao vậy? Ngoài hình ảnh chiếc khăn, ngọn đèn, đôi mắt cũng có tác dụng diễn tả nỗi nhớ người yêu của cô gái? Vậy nỗi nhớ đó được bộc lộ như thế nào?</p> <p>Bài 5 Đọc và nêu câu hỏi Đây là lời của ai? Nói với ai? Nói về</p>	<p>đôi với chàng trai. Trạng thái thương nhớ được kết tinh qua những hình ảnh, biểu tượng : khăn, đèn, mắt. Khăn: (nhân hoá) - Vật trao duyên (nhân hoá) Sử dụng phép lặp “khăn” 6 lần , “ thương nhớ ai” (3 lần) Kết hợp cấu trúc vắt dòng. ⇒ Nỗi nhớ triền miên, da diết. Động từ “ xuống, lên, rơi, vắt” → hợt đảo nhanh hình ảnh vận động trái chiều } ⇒ Tâm trạng ngổn ngang không tự chủ → Nỗi nhớ tràn giang trải dài theo không gian Đèn: Nỗi nhớ (đo theo chiều thời gian từ ngày → đêm) đặng đặng với thời gian. “đèn không tắt” → Cô gái trần trọc, trần trở thâu đêm Đôi mắt: hoán dụ - cô gái → Nỗi nhớ không kìm nén được → Bộc lộ trực tiếp. “Đêm qua... một bề” : Nỗi lo âu mệnh mông về số phận, duyên phận. → Nỗi niềm chung của người phụ nữ xưa.</p> <p>Bài 5 Hình ảnh “chiếc cầu” chi tiết nghệ thuật quen thuộc, đặc sắc – nơi hò hẹn</p>
---	--

<p>điều gì? Nội dung được biểu đạt bằng cách nói độc đáo như thế nào? Phân tích?</p> <p>Bài 6: Đọc và nêu câu hỏi Hình ảnh “ Muối - gừng” trong bài ca dao được sử dụng với nghĩa như thế nào? Tìm một số câu ca dao có hình ảnh này? Em hiểu như thế nào về cách nói “ Ba vạn sáu nghìn ngày mới xa”?</p>	<p>quen thuộc Hình ảnh “chiếc cầu, dải yếm” : Chi tiết nghệ thuật độc đáo không có thực → Mơ ước táo bạo của người con gái trong tình yêu. ⇒ Thể hiện nét đẹp trong tâm hồn của người lao động (trong tình yêu và cách biểu đạt tình yêu)</p> <p>Bài 6: Tình nghĩa thủy chung của người bình dân trong ca dao. Hình ảnh “ muối- gừng” ✓ Quen thuộc trong đời sống của người bình dân ✓ Biểu tượng: Tình nghĩa thủy chung vợ chồng. Sử dụng lối nói trùng điệp, song thất lục bát biến thể, nhấn mạnh tiếp nối → Khẳng định sự gắn bó sắc son, sự chung thủy trong tình cảm vợ chồng.</p> <p>III TỔNG KẾT: Ghi nhớ: SGK</p>
---	---

4 Củng cố:

Cảm nhận của em sau khi học xong chùm ca dao thân thân, yêu thương, tình nghĩa? (Nêu vài cảm nhận sâu sắc nhất)

5 Dặn dò

- ✓ Học thuộc lòng 6 bài ca dao, tìm thêm 1 số câu ca dao có cùng chủ đề.
- ✓ Soạn bài mới.

ĐẶC ĐIỂM CỦA NGÔN NGỮ NÓI VÀ NGÔN NGỮ VIẾT

A MỤC TIÊU CẦN ĐẠT: Giúp HS

- ✓ Phân biệt được đặc điểm, các mặt thuận lợi, hạn chế của ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết để diễn đạt tốt khi giao tiếp.
- ✓ Có kỹ năng trình bày miệng hoặc viết văn bản phù hợp với đặc điểm của ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết.

II TIẾN TRÌNH LÊN LỚP:

1 Ôn định, kiểm tra.

2 Bài mới.

